

Số: 2355/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-TM-ĐT ngày 16/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/4/2017, Quyết định số 598/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 12/9/2017 và Quyết định số 432/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 09/4/2019;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/6/2023;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp sinh viên chính quy họp ngày 17/9/2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ đại học cho 398 sinh viên chính quy, gồm các ngành/chuyên ngành (có danh sách kèm theo).

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
I	Chương trình đào tạo chuẩn	
1	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh	43
2	Quản trị kinh doanh/Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh	02
3	Quản trị kinh doanh/Tiếng Pháp thương mại	05
4	Quản trị kinh doanh/Tiếng Trung thương mại	12
5	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	06
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	08
7	Marketing/Marketing thương mại	16
8	Marketing/Marketing số	03
9	Marketing/Quản trị thương hiệu	18
10	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	22

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
11	Kế toán/Kế toán công	16
12	Kiểm toán/Kiểm toán	09
13	Kinh doanh quốc tế/Thương mại quốc tế	17
14	Kinh tế quốc tế/Kinh tế quốc tế	16
15	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	14
16	Kinh tế/Quản lý kinh tế	24
17	Luật kinh tế/Luật kinh tế	09
18	Luật kinh tế/Luật thương mại quốc tế	01
19	Thương mại điện tử/Quản trị Thương mại điện tử	28
20	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	09
21	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	38
22	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính công	06
23	Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh thương mại	17
24	Quản trị nhân lực/Quản trị nhân lực doanh nghiệp	32
II	Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù	
1	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	01
III	Chương trình đào tạo chất lượng cao	
1	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	02
2	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	07
3	Quản trị nhân lực/Quản trị nhân lực doanh nghiệp	03
IV	Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp	
1	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	06
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	04
3	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	03
V	Chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chương trình ICAEW CFAB	
1	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	01

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Kế hoạch Tài chính, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Trưởng các Khoa/Viện quản lý chuyên ngành đào tạo; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
NGÀNH KINH TẾ/CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 2355 /QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP & AN	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	17D160384	Nguyễn Tín Nghĩa	Nam	01/07/1999	K53F7	3.55	120	x	x	x	NA	NA	Giỏi	
2	19D160118	Đặng Minh Tuấn	Nam	02/01/2001	K55F2	2.84	120	x	x	x	x	NA	Khá	
3	19D160152	Lương Thị Hồng Hạnh	Nữ	08/05/2001	K55F3	3.26	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
4	20D160037	Cao Thị Kim Oanh	Nữ	27/08/2002	K56F1	3.23	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
5	20D160184	Ngô Đắc Tình	Nam	15/11/2002	K56F3	2.30	120	x	x	x	x	NA	Trung bình	
6	20D160306	Đặng Thị Hà Linh	Nữ	24/05/2002	K56F5	3.16	120	x	x	x	x	NA	Khá	
7	21D160327	Nguyễn Văn Huy	Nam	16/03/2003	K57F5	2.74	120	x	x	x	x	x	Khá	
8	22D160075	Nguyễn Đức Hào	Nam	16/05/2004	K58F1	2.75	120	x	x	x	x	x	Khá	
9	22D160106	Nguyễn Minh Huyền	Nữ	18/06/2004	K58F1	2.66	120	x	x	x	x	x	Khá	
10	22D160163	Lê Duy Minh	Nam	01/04/2004	K58F1	2.60	124	x	x	x	x	x	Khá	
11	22D160171	Ngô Hải Nam	Nam	26/07/2004	K58F1	2.67	120	x	x	x	x	x	Khá	
12	22D160173	Đinh Ân Thảo Ngân	Nữ	06/05/2004	K58F1	2.90	120	x	x	x	x	x	Khá	
13	22D160005	Cao Quỳnh Anh	Nữ	18/01/2004	K58F2	2.92	121	x	x	x	x	x	Khá	
14	22D160110	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	20/12/2004	K58F3	3.05	121	x	x	x	x	x	Khá	
15	22D160125	Hoàng Minh Khánh	Nam	25/02/2004	K58F3	2.80	120	x	x	x	x	x	Khá	
16	22D160190	Vũ Nguyễn Hương Nhi	Nữ	06/10/2004	K58F3	3.25	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
17	22D160266	Lê Đăng Tuấn	Nam	10/03/2004	K58F3	2.59	120	x	x	x	x	x	Khá	
18	22D160039	Phạm Thành Chung	Nam	13/07/2004	K58F4	2.59	121	x	x	x	x	x	Khá	
19	22D160134	Đoàn Thị Khánh Linh	Nữ	02/09/2004	K58F4	2.60	120	x	x	x	x	x	Khá	
20	22D160012	Nguyễn Mai Bảo Anh	Nữ	12/09/2004	K58F5	2.86	121	x	x	x	x	x	Khá	
21	22D160153	Nguyễn Xuân Lộc	Nam	07/03/2004	K58F5	2.74	120	x	x	x	x	x	Khá	
22	22D160180	Lê Minh Ngọc	Nam	18/02/2004	K58F5	2.25	120	x	x	x	x	x	Trung bình	
23	22D160197	Lê Thị Oanh	Nữ	07/07/2004	K58F5	3.22	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
24	22D160257	Vũ Thị Quỳnh Trang	Nữ	14/12/2004	K58F5	3.25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	

Ghi chú:

Điểm TBTL: Điểm trung bình tích lũy

Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy

GDQP&AN: Giáo dục quốc phòng và an ninh

GDTC: Giáo dục thể chất

CĐR ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Chuẩn kỹ năng SD CNTT: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

CĐR CTĐT: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

NA: Không áp dụng điều kiện

x: Đạt điều kiện

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt